

PHẦN THỨ HAI

HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN VỀ PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT TỰ BẢN CHỦ NGHĨA

Người biên soạn: TS NGUYỄN VĂN NGỌC

CÁC CHƯƠNG TRONG PHẦN HAI

Chương 1: HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ

Chương 2: HỌC THUYẾT KINH TẾ
GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

Chương 3: HỌC THUYẾT KINH TẾ VỀ
CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN VÀ
CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC

CHƯƠNG IV

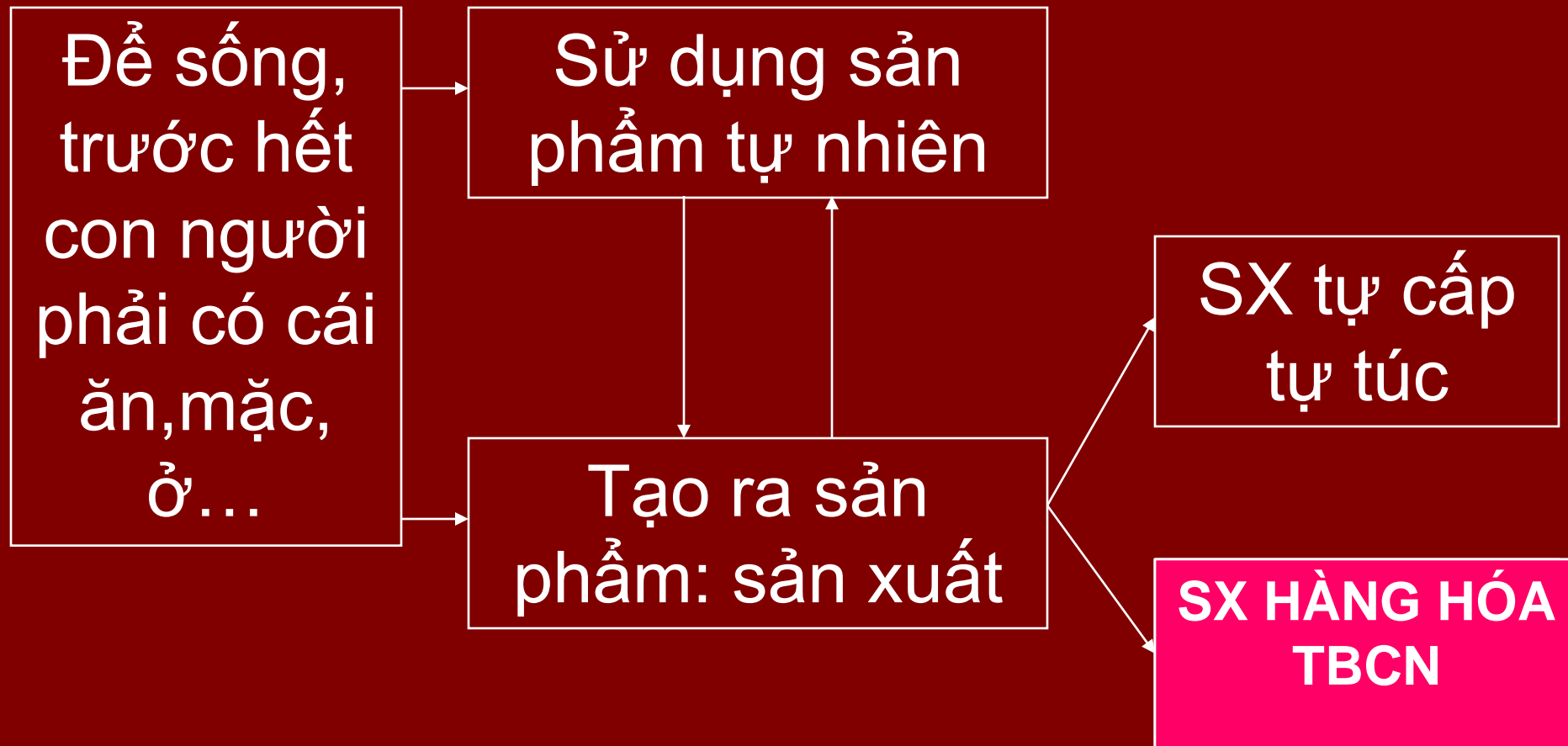
HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ

Người biên soạn:

TS Nguyễn Văn Ngọc

I/ ĐIỀU KIỆN RA ĐỜI, ĐẶC TRƯNG VÀ ƯU THẾ CỦA SẢN XUẤT HÀNG HÓA

1/ Điều kiện ra đời và tồn tại của sản xuất hàng hóa.



Hai điều kiện ra đời sản xuất hàng hóa

Một là: Có sự phân công lao động xã hội

Hiện nhu cầu trao đổi sản phẩm.



Hai là: sự tách biệt tương đối về mặt kinh tế của những người sản xuất do các quan hệ sở hữu khác nhau quy định.

Những người sản xuất vừa tách biệt lại vừa gắn bó với nhau trong một hệ thống nên phải trao đổi mua bán với nhau.



2/ Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa.

+ Vì sản xuất hàng

n.



+

n mạnh mẽ.



+ Sự phát triển của sản xuất xã hội làm cho giao lưu kinh tế, văn hóa phát triển, tạo điều kiện nâng cao đời sống vật chất và tinh thần trong nhân dân



Hạn chế:

- Phân hóa giàu nghèo
- Tiềm ẩn khả năng khủng hoảng kinh tế - xã hội.



III/ HÀNG HÓA

1/ Hàng hóa và hai thuộc tính của hàng hóa

a/ Khái niệm hàng hóa

Hàng hóa là sản phẩm của lao động, nó có thể thỏa mãn những nhu cầu nhất định nào đó của con người thông qua trao đổi mua bán.



Vì sao khi nghiên cứu CNTB Mác lại xuất phát từ hàng hóa?

- Hàng hóa là hình thái biểu hiện phổ biến nhất của của cải trong xã hội tư bản.

- Hàng hóa là tế bào kinh tế trong đó chứa đựng mọi mầm móng mâu thuẫn của CNTB

- Phân tích hàng hóa là phân tích cái cơ sở của tất cả các phạm trù chính trị kinh tế học của PTSX TBCN.

Có bí ẩn gì
trong
lượng
hàng hóa
này hay
không ?



b/ Hai thuộc tính của hàng hóa: Đó là giá trị sử dụng và giá trị

Giá trị sử dụng là công dụng của hàng hóa thỏa mãn nhu cầu người tiêu dùng một cách trực tiếp (tư liệu sinh hoạt) hay gián tiếp (tư liệu sản xuất)

n của
khoa học kỹ thuật.



Giá trị sử dụng
do thuộc tính tự
nhiên của hàng hóa
quy định, vì vậy nó là
một phạm trù vĩnh
viễn

Giá trị sử dụng
của hàng hóa được
thể hiện trong tiêu
dùng, bất kể hình
thái xã hội của của
cái đó là như thế
nào.



Trong kinh tế hàng hóa, giá trị sử dụng là cái mang giá trị trao đổi. Vì, một vật muốn trở thành hàng hóa thì giá trị sử dụng của nó phải là vật được sản xuất ra để bán, để trao đổi, cũng có nghĩa là vật đó phải có giá trị trao đổi.





Giá trị của hàng hóa là gì?

Trước hết, cần biết rằng hàng hóa sở dĩ trao đổi với nhau được là vì chúng có điểm chung là sức hao phí lao động của con người để tạo ra hàng hóa đó. Vì vậy, trao đổi hàng hóa chính là trao đổi hao phí sức lao động được ẩn dấu trong hàng hóa.

Giá trị của hàng hóa là lao động xã hội của người sản xuất kết tinh trong hàng hóa.

Chỉ có hao phí lao động được kết tinh trong hàng hóa mới được coi là giá trị.

Giá trị là một phạm trù lịch sử



c/ Mỗi quan hệ giữa hai thuộc tính của hàng hóa.

Chúng có sự thống nhất của những mặt đối lập:

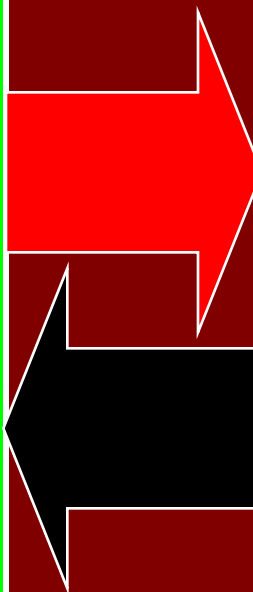
+ **Tính thống nhất thể hiện ở:** Giá trị là nội dung, là cơ sở của giá trị trao đổi; còn giá trị trao đổi là hình thức biểu hiện của giá trị ra bên ngoài.



+ Sự đối lập thể hiện ở: người bán chủ yếu chú ý đến giá trị còn người mua lại chú ý đến giá trị sử dụng.

Như vậy, quá trình thực hiện giá trị tách rời quá trình thực hiện giá trị sử dụng: giá trị thực hiện trước, sau đó giá trị sử dụng mới được thực hiện.

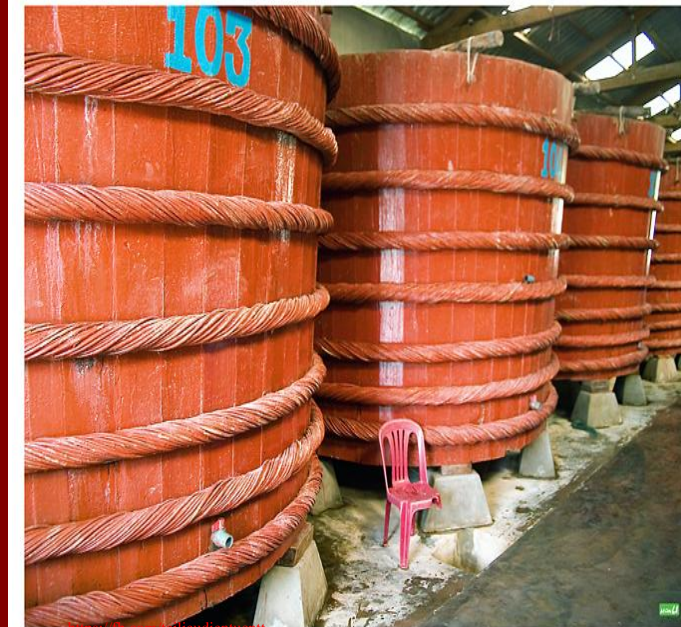




2/ Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa

Đó là lao động cụ thể và lao động trừu tượng. Nó tạo ra hai thuộc tính của hàng hóa.

a/ Lao động cụ thể: Là lao động có ích dưới một hình thức cụ thể của những nghề nghiệp chuyên môn nhất định. Mỗi lao động cụ thể có mục đích riêng, đối tượng riêng, phương pháp, phương tiện và kết quả riêng.





Lao động cụ thể và
các dạng vật chất tạo
ra giá trị sử dụng. Nó
là một phạm trù vĩnh
viễn

i.

b/ Lao động trù tượng

Là sự hao phí thể lực, trí lực nói chung, chứ không kể đến hình thức cụ thể của người sản xuất hàng hóa.

Lao động trù tượng chỉ có trong nền sản xuất hàng hóa, do mục đích của sản xuất là để trao đổi.



Lao động trù
tượng tạo ra giá trị,
làm cơ sở cho sự
ngang bằng trong
trao đổi.

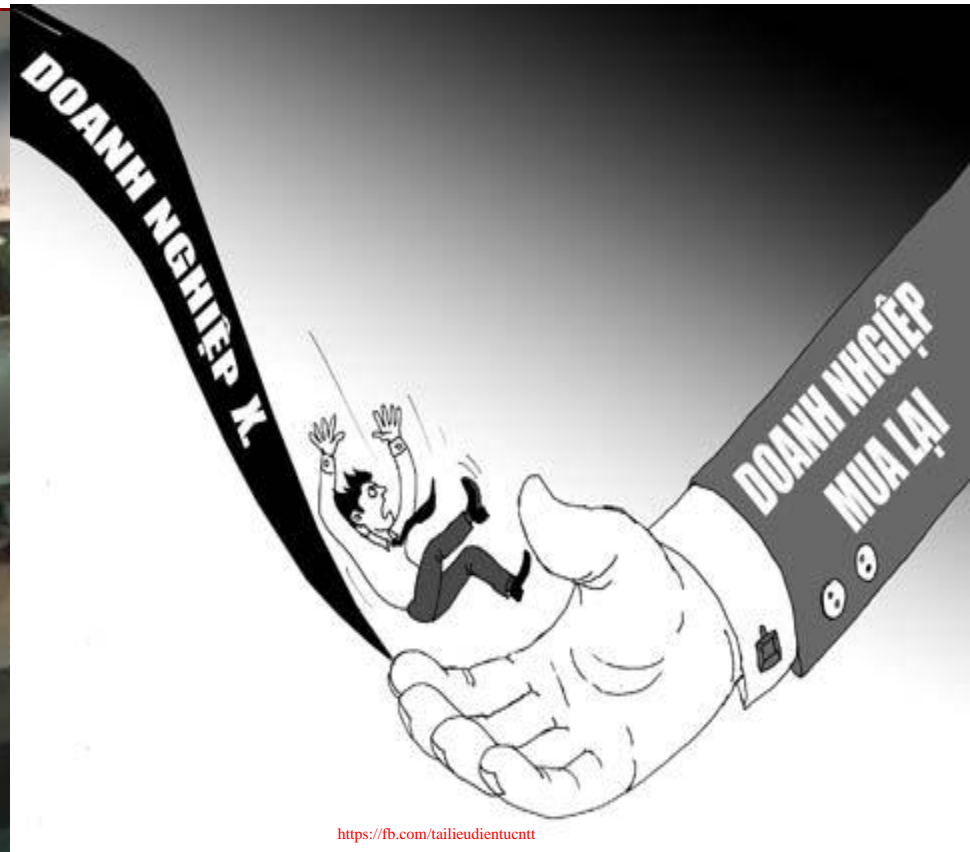
Lao động trù
tượng là yếu tố
duy nhất tạo ra giá
trị của hàng hóa và
là một phạm trù
lịch sử



+

ì có thể chấp nhận được.

n.



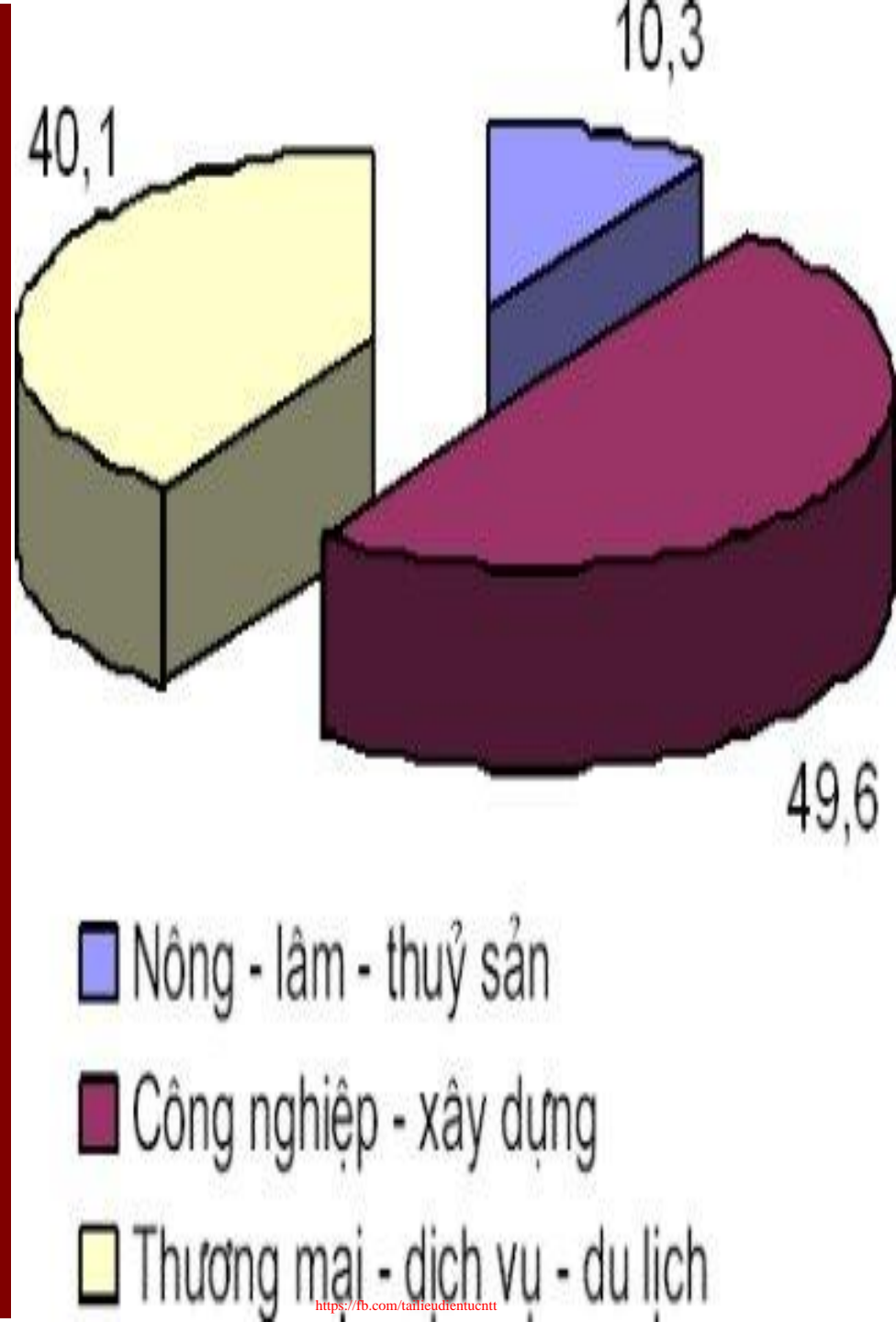
Tính hai mặt của
lao động sản xuất
hàng hóa, phản ánh
tính chất tư nhân và
tính chất xã hội của
người sản xuất hàng
hóa.

**Tính chất tư
nhân** vì họ là người
sản xuất độc lập. Lao
động cụ thể của họ sẽ
là biểu hiện của lao
động tư nhân.



i

i. Lao động
trừu tượng là biểu hiện
của _____ i.



i là hai

mặt đối lập, chúng có sự mâu thuẫn nhau.

Thể hiện ở:

+

i.



CuuDuongThanCong.com



<https://fb.com/tanhoangtucnt>

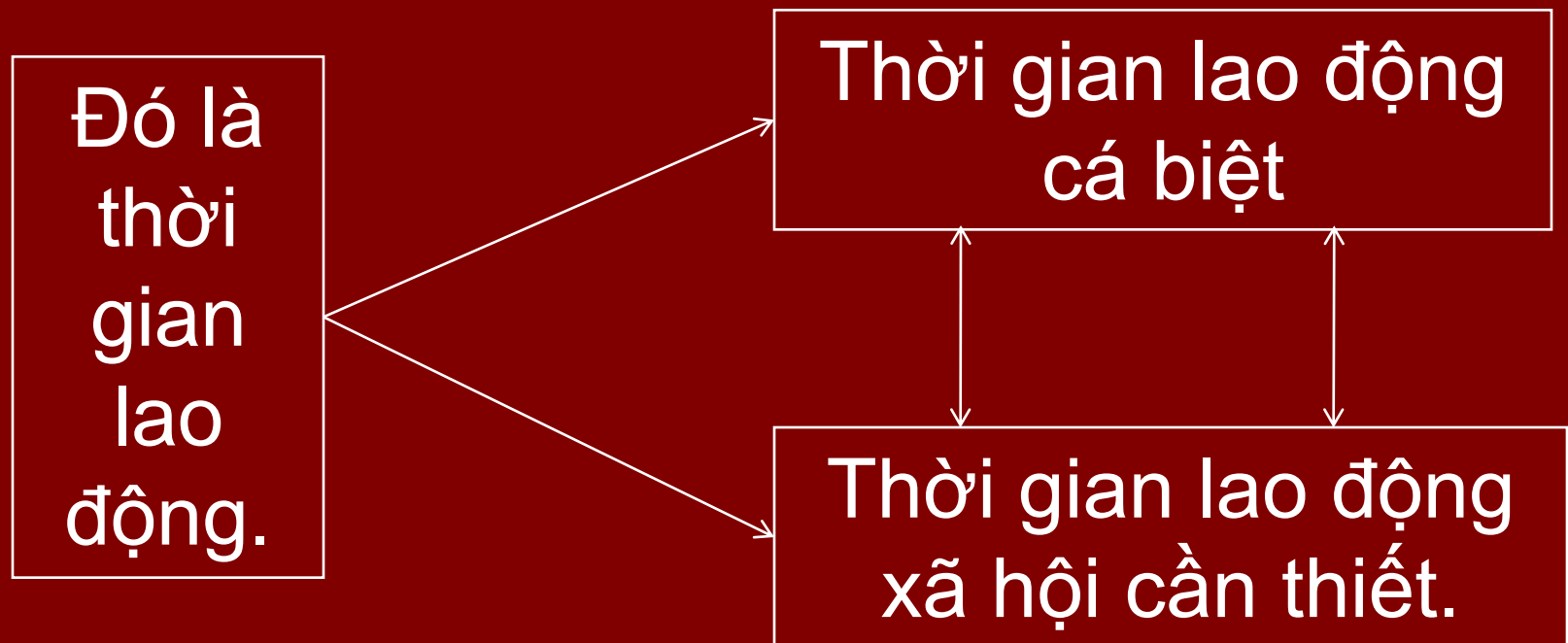


3/ Lượng giá trị hàng hóa và các yếu tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa.

Lấy gì đo lượng giá trị của hàng hóa?

Lấy **lượng lao động hao phí** tạo ra hàng hóa đó để đo lường.

a/ Thước đo lượng giá trị của hàng hóa.



Thời gian lao động xã hội tất yếu là thời gian cần thiết để sản xuất ra một hàng hóa trong điều kiện bình thường của xã hội, tức là với một trình độ kỹ thuật trung bình, trình độ khéo léo trung bình và cường độ lao động trung bình so với hoàn cảnh xã hội nhất định.



STT	DUNG TÍCH	GIÁ GIẢM	
	(Lít)	BỒN ĐỨNG	BỒN NGANG
1	310(Ø 630 - 770)	1,400,000	1,560,000
2	500(Ø 770)	1,700,000	1,850,000
3	700(Ø 770)	2,040,000	2,190,000
4	1000(Ø 960)	2,630,000	2,830,000
5	1200(Ø 980)	2,950,000	3,150,000
6	1300(Ø 1050)	3,190,000	3,390,000
7	1500(Ø 1200)	4,000,000	4,230,000
9	2000(Ø 1200)	5,340,000	5,580,000
10	2500(Ø 1420)	6,740,000	6,980,000
11	2500(Ø 1200)	6,620,000	6,860,000
12	3000(Ø 1380)	7,770,000	8,010,000
14	3500(Ø 1380)	8,810,000	9,130,000
15	4000(Ø 1380)	9,840,000	10,360,000
16	4500(Ø 1380)	11,000,000	11,520,000
17	5000(Ø 1380 - 1420)	12,150,000	12,670,000
18	6000(Ø(1380 - 1420)	14,180,000	14,900,000
19	10000(Ø 1700)	24,070,000	26,030,000

...i cần
thiết thường
trùng hợp với
thời gian lao
động cá biệt
của những
người sản xuất
và cung cấp đại
bộ phận một
loại hàng hóa
nào đó trên thị
trường.

b/ Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa

Năng suất lao động

Cường độ lao động

Mức độ phức tạp hay giản đơn của lao động

Thứ nhất: Năng suất lao động là năng lực sản xuất của lao động, nó được tính bằng số lượng sản phẩm sản xuất ra trong một đơn vị thời gian hoặc số lượng thời gian cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm.



MỘT GIỜ
XUẤT
XỬ 1000 CHAI .

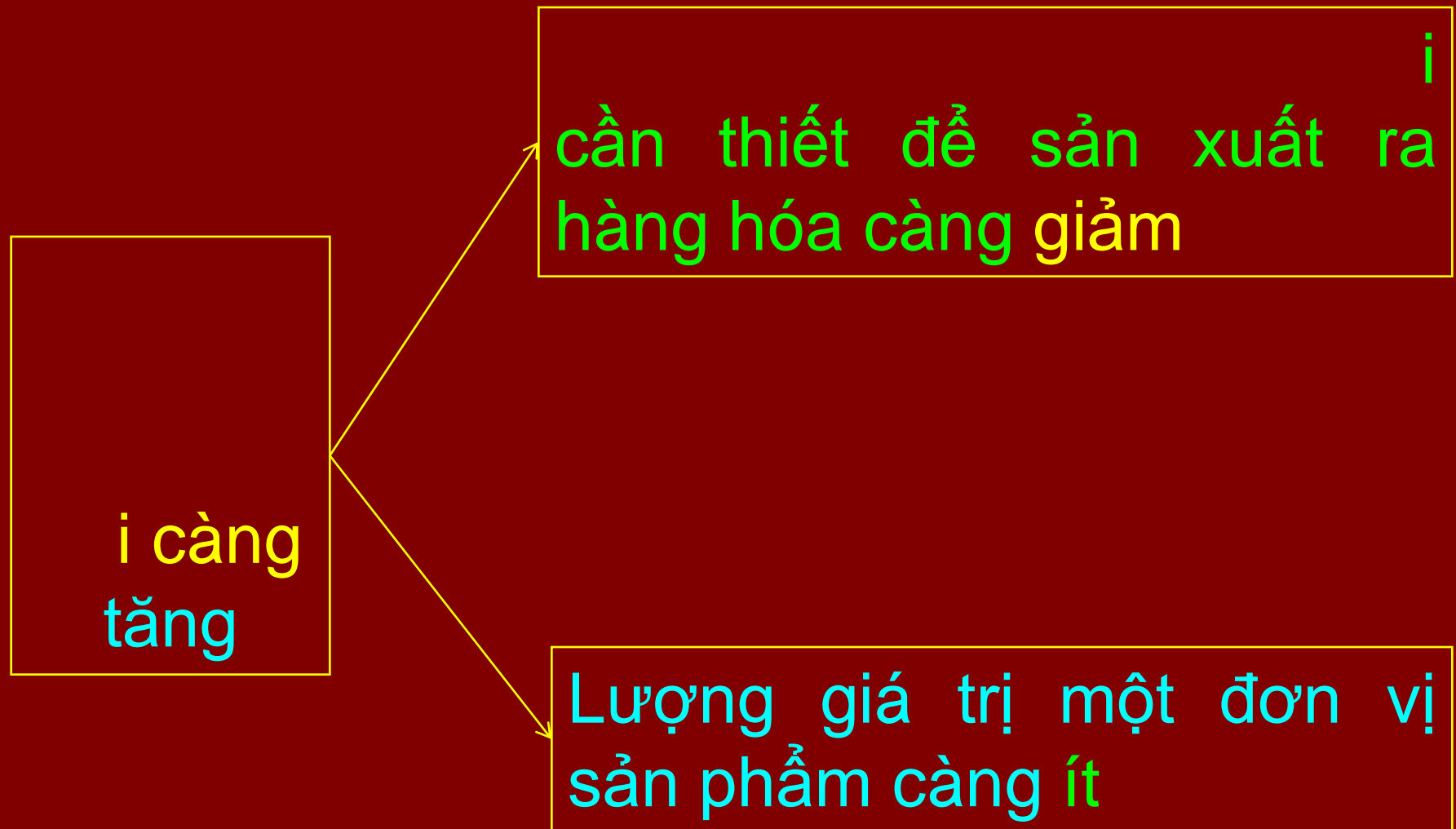
Có hai loại năng suất lao động:

- + Năng suất lao động cá biệt
- + i

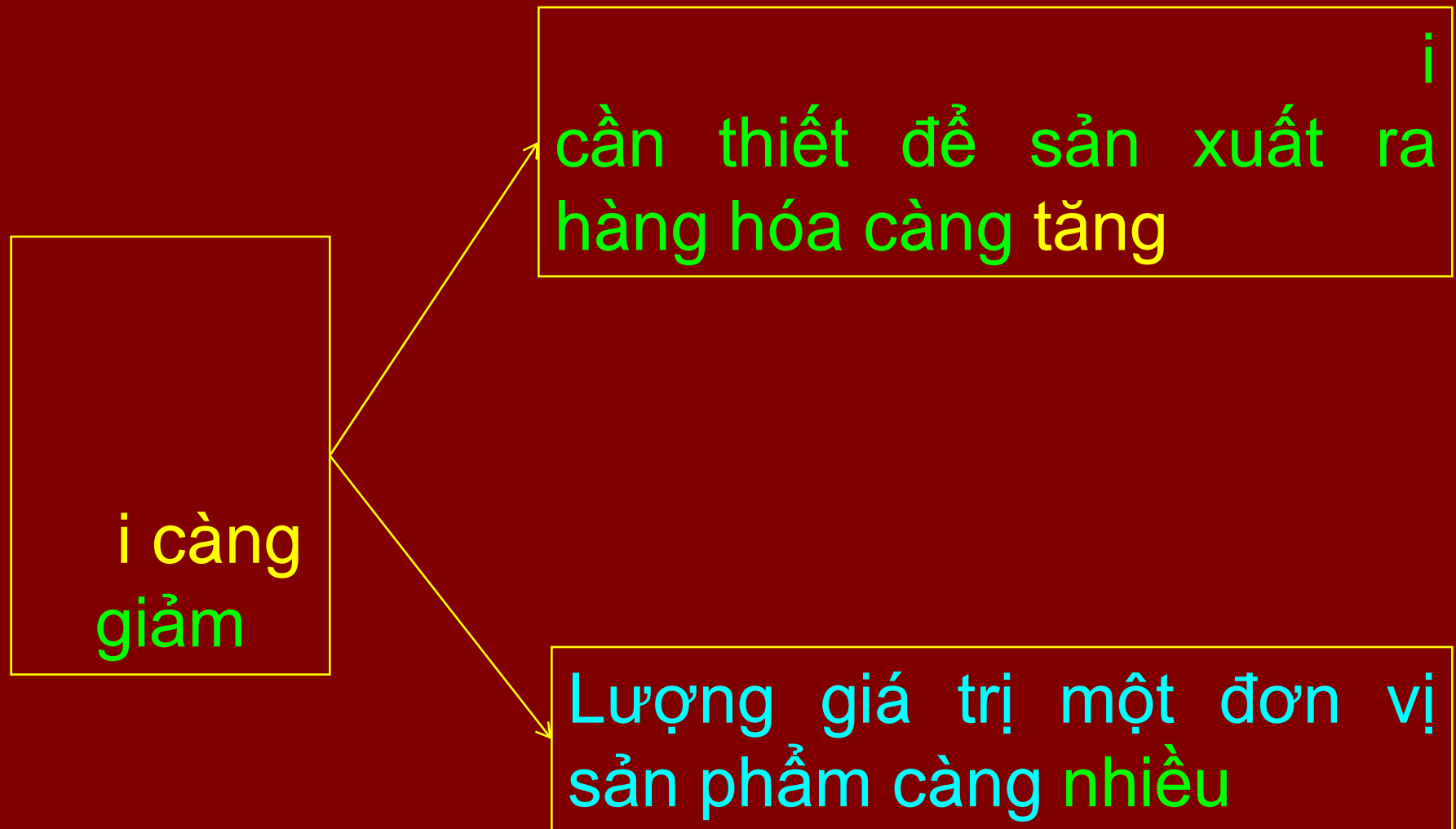
i .



Ảnh hưởng của năng suất lao động:



Ảnh hưởng của năng suất lao động:



Như

i.

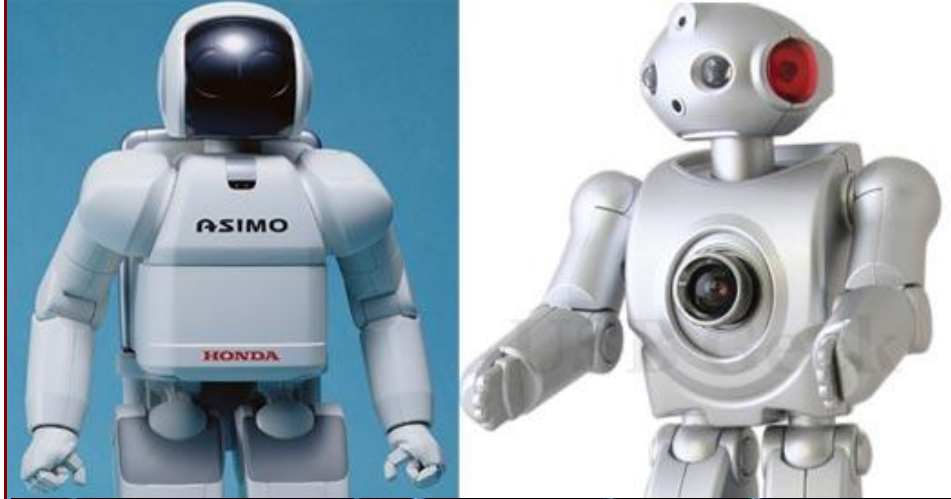
Do đó,

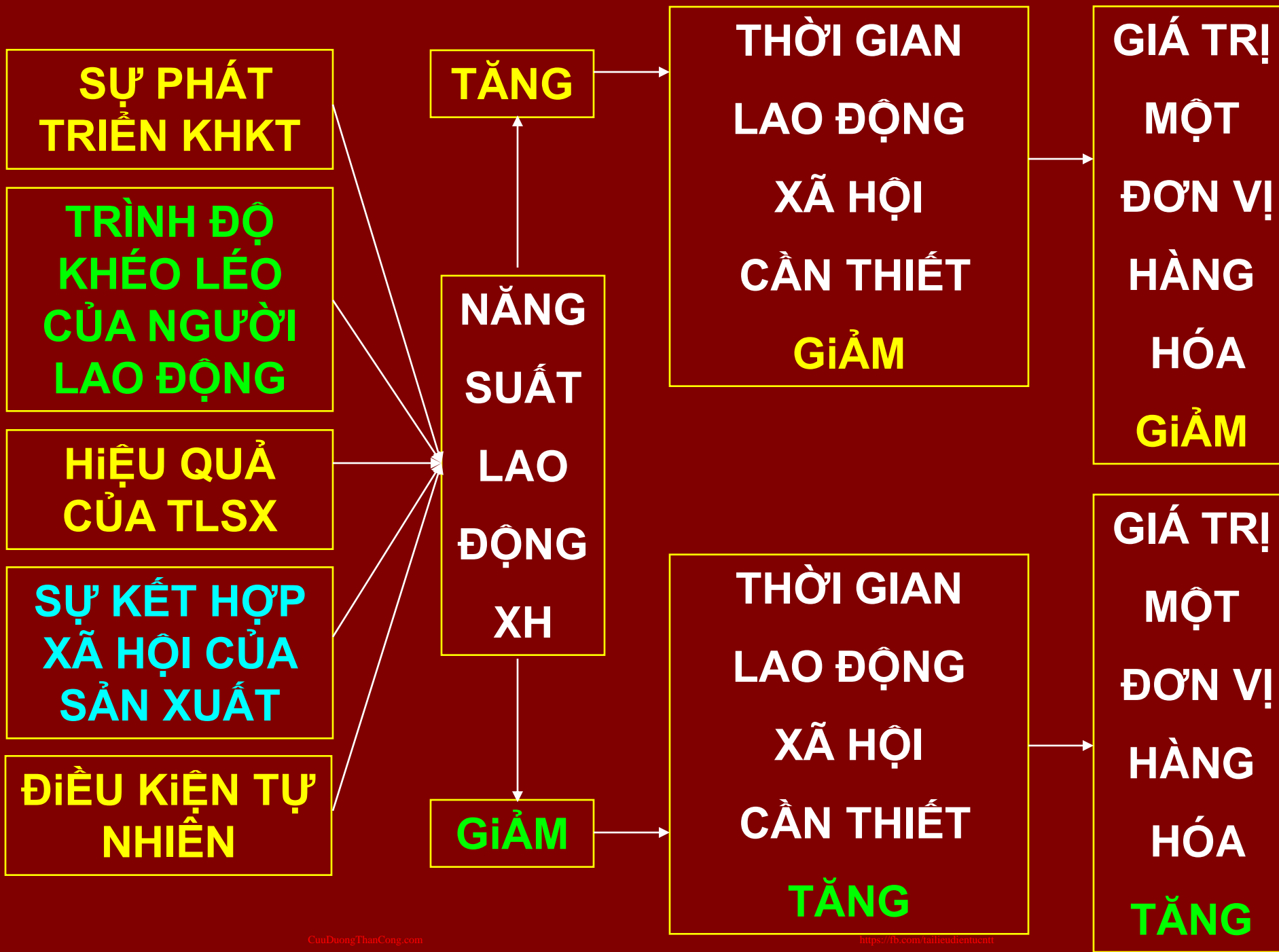
i.



Năng suất lao động tùy thuộc vào:

- Trình độ phát triển của khoa học – kỹ thuật
- Trình độ khéo léo của người lao động
- Trình độ tự nhiên của sản xuất
- Hiệu quả của tư liệu sản xuất
- Các điều kiện tự nhiên





**NĂNG SUẤT
LAO ĐỘNG**

**MỨC ĐỘ PHỨC TẠP
HAY ĐƠN GIẢN
CỦA LAO ĐỘNG**

**CƯỜNG ĐỘ
LAO ĐỘNG**

LƯỢNG GIÁ TRỊ CỦA HÀNG HÓA

LƯỢNG GIÁ TRỊ CÁ BIỆT

LƯỢNG GIÁ TRỊ XÃ HỘI

**THỜI GIAN LAO ĐỘNG
CÁ BIỆT**

**THỜI GIAN LAO ĐỘNG
XÃ HỘI CẦN THIẾT**

Cường độ lao động và lượng giá trị của hàng hóa

Cường độ
lao động là khái
niệm nói lên mức
độ khẩn trương,
là sự căng thẳng
mệt nhọc của
người lao động.



Ảnh hưởng của cường độ lao động:

Cường
độ lao
động
càng
tăng
(Kéo dài
thời gian
lao
động)

Lượng lao động hao phí
trong cùng một đơn vị thời
gian tăng lên và lượng sản
phẩm được tạo ra cũng tăng
lên tương ứng

Lượng giá trị một đơn vị
sản phẩm không đổi

**GIÁ TRỊ
MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM
KHÔNG ĐỔI**

**TỔNG GIÁ TRỊ
SẢN PHẨM TĂNG**

**SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM
TĂNG**

**TĂNG CƯỜNG ĐỘ
LAO ĐỘNG**

**GIÁ TRỊ
MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM
GIẢM**

**TỔNG GIÁ TRỊ
SẢN PHẨM KHÔNG ĐỔI**

**SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM
TĂNG**

**TĂNG NĂNG SUẤT
LAO ĐỘNG**

**SỰ GIỐNG VÀ KHÁC NHAU GIỮA TĂNG CƯỜNG ĐỘ
VÀ TĂNG NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG**

Thứ hai: Mức độ phức tạp của lao động Gồm:

Lao động giản đơn là sự hao phí lao động giản đơn mà bất kỳ người bình thường nào có khả năng lao động cũng có thể thực hiện được.

Lao động phức tạp là lao động đòi hỏi phải được đào tạo, huấn luyện thành lao động lành nghề.



Trong cùng một đơn vị thời gian lao động như nhau, lao động phức tạp tạo ra nhiều giá trị hơn so với lao động giản đơn.

Lao động phức tạp là lao động giản đơn được nhân lên gấp bội.



Trong trao đổi người ta quy mọi lao động phức tạp thành lao động giản đơn trung bình. Như vậy lượng giá trị của hàng hóa được đo bằng thời gian lao động xã hội cần thiết, giản đơn trung bình.



c/ Cầu thành lượng giá trị hàng hóa:

- Bộ phận giá trị cũ tức sự kết tinh của lao động quá khứ trong giá trị của tư liệu sản xuất.

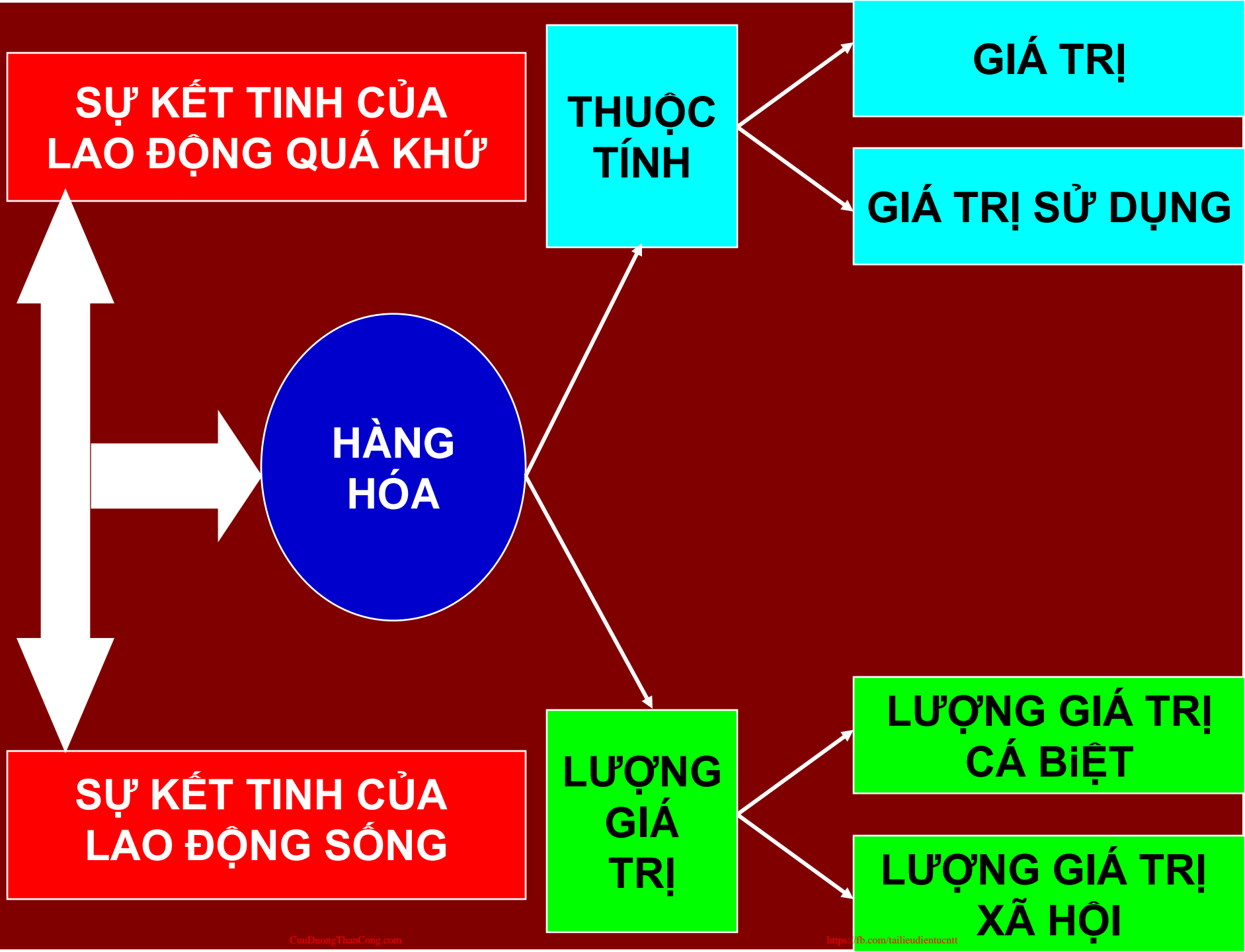
(Ký hiệu là c).

- Bộ phận giá trị mới chính là lao động sống hao phí trong quá trình sản xuất ra sản phẩm mới

(Ký hiệu là $v + m$).

Vậy, cầu thành lượng giá trị của hàng hóa gồm hai bộ phận: giá trị cũ tái hiện và giá trị mới

(Ký hiệu là $W = c + v + m$)



III/ TIỀN TỆ

1/ Lịch sử ra đời và bản chất của tiền tệ.

a/ Sự phát triển các hình thái giá trị.

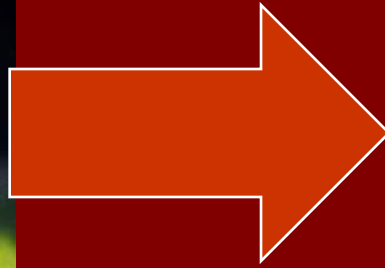
+ Hình thái giá trị giản đơn hay ngẫu nhiên

Trao đổi cố định, trực tiếp vật đổi vật một cách ngẫu nhiên và tỷ lệ trao đổi chưa cố định.



+ Hình thái giá trị đầy đủ hay mở rộng

Một hàng hóa có thể trao đổi với nhiều hàng hóa khác. Tuy nhiên, vẫn là trao đổi trực tiếp, tỷ lệ trao đổi chưa cố định.



+ Hình thái chung của giá trị

Trong quá trình trao đổi hàng hóa, việc trao đổi trực tiếp không còn thích hợp.

Để có hàng hóa mình cần, người ta trao đổi đường vòng. Tức là, mang hàng hóa của mình đổi lấy một hàng hóa mà nó được nhiều người ưa chuộng (vật trung gian), rồi lại đem hàng hóa đó đổi lấy hàng hóa mình cần.

Khi vật trung gian được cố định lại thì hình thái chung của giá trị xuất hiện.

Có nhiều vật ngang giá chung ở nhiều nơi khác nhau.



+ Hình thái tiền tệ

Hiện tượng này đòi hỏi có một vật ngang giá chung thống nhất. Lúc này xuất hiện hình thái tiền tệ của giá trị - thường là vàng, bạc.

Tiền tệ xuất hiện phân chia thế giới hàng hóa thành hai cực:

- Hàng hóa thông thường
- Hàng hóa đặc biệt (tiền tệ - vàng)

Đến đây giá trị các hàng hóa đã có một phương tiện biểu hiện thống nhất. Tỷ lệ trao đổi được cố định lại.

b/ Bản chất của tiền tệ

Tiền tệ là một hàng hóa đặc biệt được tách ra từ trong thế giới hàng hóa làm vật ngang giá chung thống nhất cho các hàng hóa khác, nó thể hiện lao động xã hội và biểu hiện quan hệ giữa những người sản xuất hàng hóa.

Bản chất của tiền tệ còn được thể hiện qua các chức năng của nó.



LÀ HÀNG HÓA ĐẶC BIỆT ĐÓNG VAI TRÒ VẬT NGANG GIÁ CHUNG

HÌNH THÁI GIÁ TRỊ
ĐẦY ĐỦ HAY
MỞ RỘNG

HÌNH THÁI CHUNG
CỦA GIÁ TRỊ

HÌNH THÁI
GIÁ TRỊ
GIẢN ĐƠN
HAY
NGẪU NHIÊN

HÌNH THÁI
TIỀN TỆ
CỦA
GIÁ TRỊ

TIỀN
TỆ

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN LÂU DÀI CỦA SX VÀ TRAO ĐỔI

2/ Năm chức năng của tiền tệ

- Thước đo giá trị
- Phương tiện lưu thông
- Phương tiện thanh toán
- Phương tiện cất trữ
- Tiền tệ thế giới

**TIỀN TỆ
CÓ
CHỨC
NĂNG
GÌ?**



a/ Chức năng thước đo giá trị

Tiền tệ
(thường là tiền
vàng) dùng để biểu
hiện và đo lường
giá trị của các
hàng hóa khác. Vì
giữa giá trị của
vàng và giá trị của
hàng hóa trong
thực tế đã có một
tỷ lệ nhất định.



3.500 CÂY
VÀNG NHÉ !

OK !

b/ Phương tiện lưu thông

Trao đổi hàng hóa lấy tiền làm môi giới gọi là lưu thông hàng hóa. Công thức $H - T - H$

Khi tiền làm môi giới trong trao đổi hàng hóa đã làm tách rời hành vi bán và hành vi mua cả về thời gian và không gian.



C/ Phương tiện thanh toán

Tiền dùng để trả nợ, nộp thuế, trả tiền mua chịu hàng...



d/ Phương tiện cất trữ

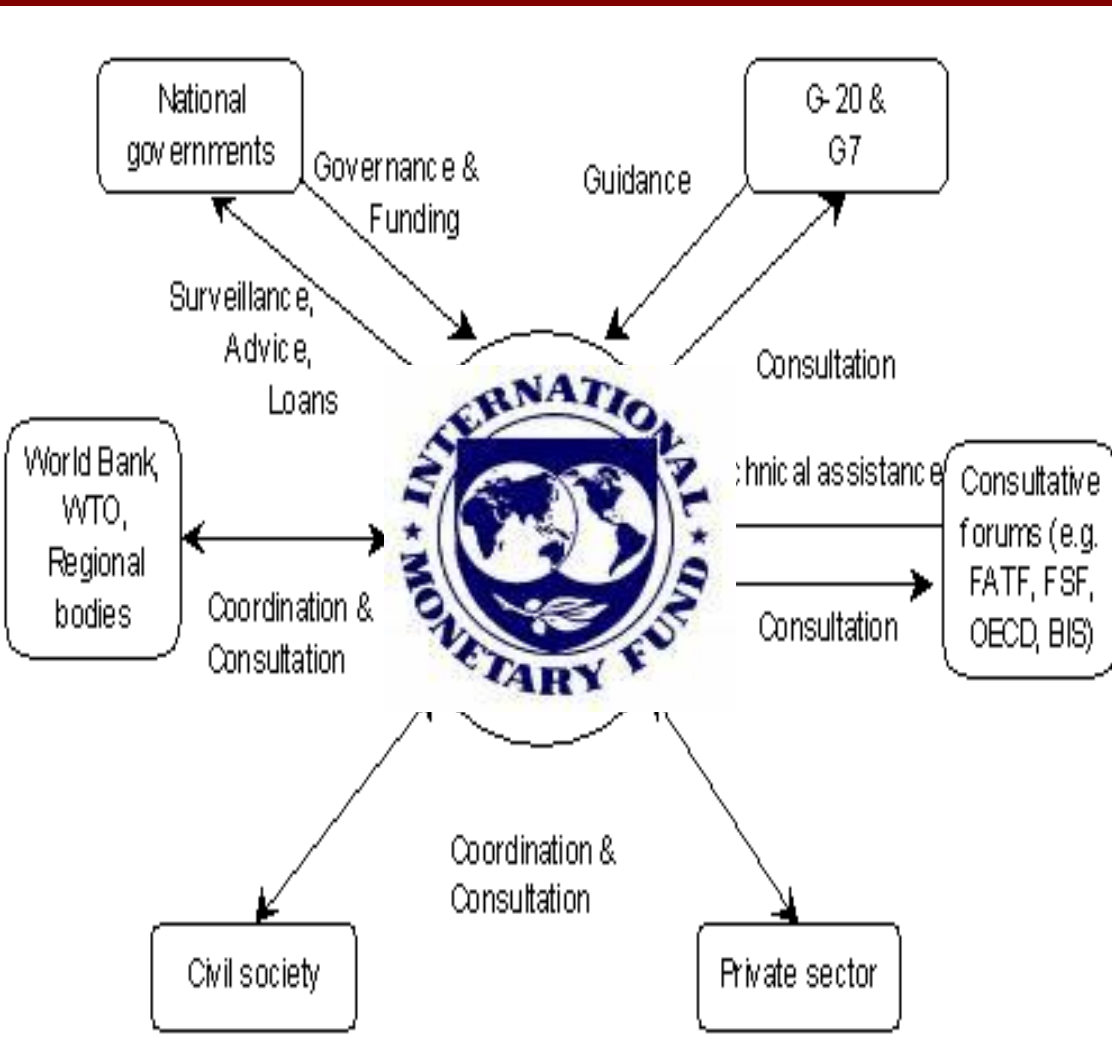
i
dưới hình thái giá trị,
nên cất trữ tiền là một
hình thức cất trữ của
cái.

Trong thực tế, nếu
sản xuất tăng, lượng
hàng hóa nhiều thì tiền
cất trữ được đưa vào
lưu thông và ngược lại



e/ Tiền tệ thế giới.

Tiền lúc này phải đủ giá trị và trở lại hình thái ban đầu



i.

**PHƯƠNG
TIỆN
THANH
TOÁN**

**PHƯƠNG TIỆN
LƯU THÔNG**

**PHƯƠNG TIỆN
CẮT TRỮ**

**THƯỚC ĐO
GIÁ TRỊ**

**TIỀN TỆ
THẾ GIỚI**

**NĂM
CHỨC NĂNG
CỦA
TIỀN TỆ**

IV/ QUY LUẬT GIÁ TRỊ

Vai trò quy luật: là cơ sở cho sự chi phối nền sản xuất và trao đổi hàng hóa.

1/ Nội dung quy luật

- Trong sản xuất hàng hóa phải dựa trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết. Tức là, hao phí lao động cá biệt phải phù hợp với mức chi phí mà xã hội chấp nhận được.

**CHI PHÍ
NHIỀU QUÁ
! LỖ LÀ CÁI
CHẮC !**



- Trong lưu
thông

ị cần
thiết, tức trao đổi
phải theo nguyên
tắc ngang giá.

Sự vận động
của quy luật giá trị
thông qua sự vận
động của giá cả
hàng hóa. Vì:

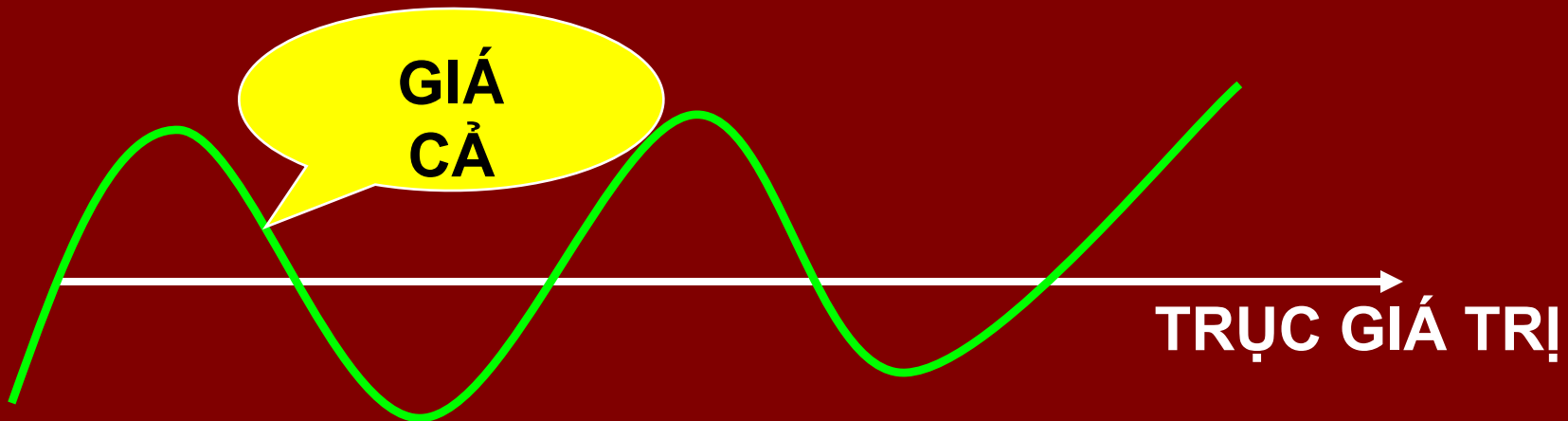
**TA SẼ BỊ BÁN
THEO GIÁ THỊ
TRƯỜNG !**



Trước hết, giá cả phụ thuộc vào giá trị.

Ngoài ra, giá cả còn phụ thuộc vào các yếu tố như: cạnh tranh, cung cầu, sức mua của đồng tiền...

Giá cả vận động xung quanh trục giá trị và chính thông qua sự vận động của giá cả thị trường mà quy luật giá trị phát huy tác dụng.



2/ Tác dụng của quy luật giá trị

Một là, điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa.

+ Điều tiết sản xuất tức là điều hòa, phân bổ các yếu tố sản xuất giữa các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế.

+ Điều tiết lưu thông tức là thông qua sự biến động giá cả thị trường cũng có tác dụng thu hút luồng hàng từ nơi giá thấp đến nơi giá cao.

**ĐEM VÀO
NAM BÁN
THÔI !**



Hai là,

n

Trong

i cần
thiết. Vì vậy, họ luôn tìm cách
cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản
xuất, thực hành tiết kiệm...

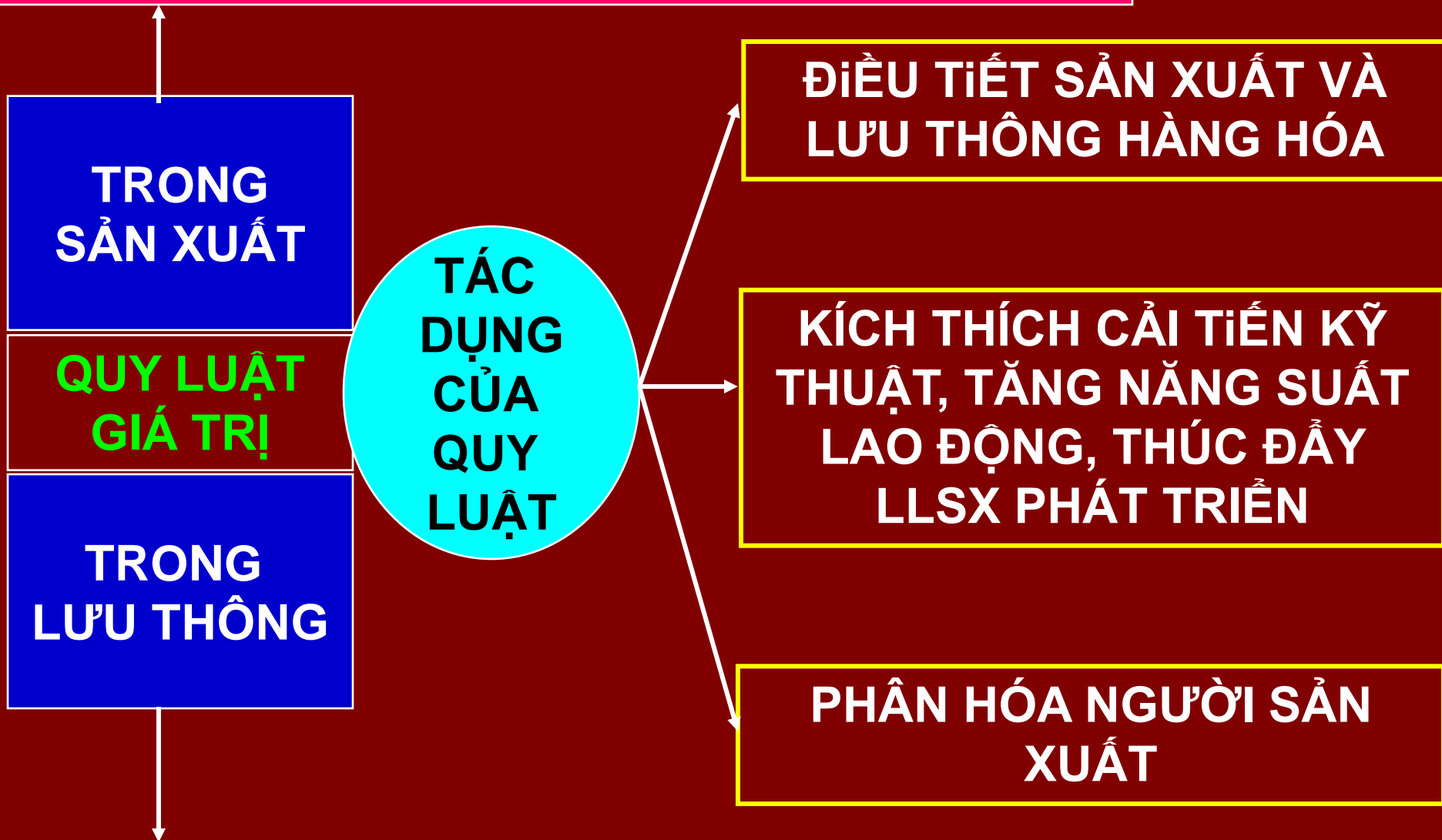


Ba là, thực hiện sự lựa chọn tự nhiên và phân hóa người sản xuất hàng hóa thành người giàu, người nghèo.

Do quá trình cạnh tranh hạ giá trị cá biệt, tất yếu xuất hiện những người sản xuất có lời và những người thua lỗ. Tức quá trình phân hóa xảy ra làm xuất hiện kẻ giàu và người nghèo.



GIÁ TRỊ CÁ BIỆT < GIÁ TRỊ XÃ HỘI CẦN THIẾT



**HẾT CHƯƠNG 4
HẸN GẶP LẠI
CÁC BẠN Ở
CHƯƠNG 5**



